

Bản án số: 150/2019/HS-ST

Ngày: 31/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Dũng

2. Ông Đinh Văn Hải

- Thư ký phiên tòa:Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1975 tại thành phố C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: tày; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không nghề; Hộ khẩu thường trú: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1952; Con bà: Nông Thị L, sinh năm 1954 (cùng trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Anh, chị, em ruột: bị cáo là con cả trong gia đình có 04 anh em; Vợ: Nông Thị V, Sinh năm: 1977 (trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Con: có 01 con sinh năm 1999; Tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 05/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại khu vực tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội

phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang Nguyễn Đức T (sinh ngày 23 tháng 11 năm 1975; trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 04 (bốn) gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng vàng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột có khối lượng 0,16g (không phải một sáu gam), T khai đây là Heroine do Trần Thanh H (sinh ngày 20 tháng 7 năm 1981; trú tại: tổ B, phường T, thành phố C) đưa cho nhờ T bán hộ; 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam và 01 điện thoại di động màu trắng vàng mặt sau có chữ Iphone có số imei: 352001063607156.

Hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thanh H tại: tổ B, phường T, thành phố C, quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 173 đối với vật chứng vụ án. Tại bản kết luận giám định số 239 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: "*Chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại: Heroine*".

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Buổi sáng ngày 04 tháng 9 năm 2019, T đến Trung tâm H tại tổ H, phường S, thành phố C để uống methadone thì gặp H. Tại đây, H nói với T có 06 (sáu) gói Heroin nhờ T bán hộ và hứa sẽ cho T 01 (một) gói để sử dụng. T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho T hẹn đến khu vực cổng sau rạp hát ngoài trời để đưa ma túy cho T bán hộ. Khi T đến nơi, H đưa cho T 06 (sáu) gói Heroine được gói trong 01 (một) gói giấy vệ sinh. Sau đó, T về nhà còn H đi đâu T không biết. Sáng ngày 05 tháng 9 năm 2019, T đút 06 (sáu) gói Heroine vào trong túi quần đang mặc và ra đứng ngoài cửa nhà với mục đích nếu ai hỏi mua thì bán. Đến khoảng 06 giờ 10 phút thì có 02 (hai) người đàn ông T không quen biết đi 01 (một) xe máy đến hỏi mua 100.000 đ (một trăm nghìn đồng) ma túy với T. T đưa cho người điều khiển xe máy 01 (một) gói Heroine và người đó đưa lại cho T 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 đ (năm mươi nghìn đồng). Khoảng 10 phút sau, có 01 (một) người đàn ông T không quen biết đến hỏi mua ma túy với T, T bán cho người đó 01 gói Heroine và người đó đưa lại cho T 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 đ (một trăm nghìn đồng). Sau khi người đàn ông đó vừa đi khỏi thì có cơ quan Công an thành phố Cao Bằng đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 133/CT-VSKTP ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố Nguyễn Đức T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận về hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 - 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) đã thu giữ từ bị cáo Nguyễn Đức T do phạm tội mà có; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, có số IMEI: 352001063607156. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: bị cáo không có ý kiến gì, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 05/9/2019, có 02 (hai) người đàn ông không quen biết đi 01 (một) xe máy đến hỏi mua 100.000,đ (một trăm nghìn đồng) ma túy với Nguyễn Đức T. T đưa cho người điều khiển xe máy 01 (một) gói Heroine và người đó đưa lại cho T 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 đ (năm mươi nghìn đồng). Khoảng 10 phút sau, có 01 (một) người đàn ông T không quen biết đến hỏi mua ma túy với T, T bán cho người đó 01 gói Heroine và người đó đưa lại cho T 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 đ (một trăm nghìn đồng).

Về mặt chủ quan: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện. Mục đích của bị cáo bán ma túy là để kiếm lời cho bản thân (mặc dù bị cáo khai rằng số heroine trên là của Trần Thanh H đưa cho bị cáo bán hộ, nếu được sẽ trả công bằng một gói heroine, tuy nhiên qua điều tra, không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thanh H).

Về mặt khách thể: hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy được quy định trong Luật phòng, chống ma túy.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Từ những phân tích nêu trên, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đức T có hành vi bán ma túy cho 02 người ở hai thời điểm khác nhau, do đó bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Không phải trường hợp phạm tội đối với hai người trở lên.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Đức T theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“*Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy*

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

..

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...”

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác gia tăng và gây ra tâm lý hoang mang lo ngại trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử lý thích đáng đối với hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo hoàn toàn phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định của pháp luật, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể chịu

hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đã thu giữ từ bị cáo Nguyễn Đức T do phạm tội mà có;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, có số IMEI: 352001063607156 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Xác nhận số vật chứng của vụ án gồm có theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” .

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 05/9/2019). Xét thấy, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. *Về xử lý vật chứng và tài sản:*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, có số IMEI: 352001063607156.

Xác nhận số vật chứng của vụ án gồm có theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na